

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN VĨNH HƯNG
TỈNH LONG AN

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 34/2024/DS - ST
Ngày: 16 - 8 - 2024
V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH HƯNG, TỈNH LONG AN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Hựu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hải.

2. Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Thái Hưng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Kiều - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 47/2024/TLST-DS ngày 04 tháng 3 năm 2024 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2024/QĐXX-ST ngày 04 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Đặng Thị P, sinh năm: 1981; Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Long An (*có mặt*)

2. **Bị đơn:** Chị Trần Thị Tường V, sinh năm 1995; Địa chỉ: Khu phố A, thị trấn V, huyện V, tỉnh Long An (*vắng mặt*)

3. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Anh Trần Quốc S, sinh năm: 1994; Địa chỉ: Số nhà A, đường T, khu phố A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An (*vắng mặt*)

- Chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm: 2000; Ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Long An (*vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 19 tháng 02 năm 2024, biên bản ghi lời khai ngày 17/5/2024 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đặng Thị P trình bày:

Giữa chị với vợ chồng chị Trần Thị Tường V có mối quan hệ quen biết với nhau, nên vào ngày 10/10/2022 chị V có vay số tiền 100.000.000 đồng, ngày 21/10/2022 chị V vay tiếp số tiền 50.000.000 đồng, ngày 10/02/2023 chị V vay tiếp số tiền 200.000.000 đồng, tổng cộng 03 lần vay là 350.000.000 đồng, thỏa thuận thời hạn vay khi nào chị P xây dựng nhà thì thông báo để vợ chồng chị V, anh S trả lại. Đến giữa năm 2023 chị P thông báo chị V, anh S trả tiền thì chị V trốn tránh không thực hiện nghĩa vụ trả tiền. Nay chị P khởi kiện yêu cầu chị V, anh S liên đới trả số tiền 350.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất. Chị V yêu cầu tính lãi suất trong giai đoạn thi hành án, thời hạn tính lãi kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, mức lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự

Tại biên bản ghi lời khai ngày 08/4/2024 bị đơn chị Trần Thị Tường V trình bày: Có quen biết chị P, ngày 10/10/2022 có vay số tiền 100.000.000 đồng, có viết giấy vay tiền, có thỏa thuận lãi suất riêng là 5% tháng. Ngày 21/10/2022 vay tiếp số tiền 50.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 5% tháng. Đối với biên nhận ngày 10/02/2023 ghi nội dung vay là 200.000.000 đồng nhưng thực tế chị vay có 50.000.000 đồng, tổng cộng 03 lần vay là 200.000.000 đồng. Việc chị viết biên nhận ngày 10/02/2023 là viết biên nhận của 03 lần vay, nhưng chị V không lấy lại 02 tờ biên nhận nhận trước, chị V thừa nhận các biên nhận do chị viết và ký tên. Sau khi vay tiền thì chị V có đóng lãi được số tiền 40.000.000 đồng, trong đó, chị V trả trực tiếp cho chị P số tiền 20.000.000 đồng, trả chuyển vào tài khoản của con gái chị P số tiền 20.000.000 đồng. Đồng thời, chị V khai giữa chị và anh S là vợ chồng, có tổ chức lễ cưới và sống chung như vợ chồng từ năm 2020 đến đầu năm 2023 thì ly thân, hôn nhân giữa chị V với anh S không có đăng ký kết hôn. Việc chị V vay tiền về cho người khác vay lại anh S không biết. Nay chị V đồng ý trả số tiền 200.000.000 đồng cho chị P, nhưng hiện do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng hoặc 2.000.000 đồng đến khi hết nợ. Anh sang không liên quan.

Tại bản tự khai ngày 13/3/2024, biên bản ghi lời khai ngày 10/4/2024 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Trần Quốc S trình bày: Thừa nhận có tổ chức lễ cưới với chị V nhưng chưa có đăng ký kết hôn, sống chung từ cuối năm 2020 cho đến đầu năm 2023 thì ly thân cho đến nay. Việc chị V vay tiền của chị P thì anh hoàn toàn không biết. Đến khoảng tháng 4 năm 2023 thì chị P đến yêu cầu trả tiền số tiền vay 200.000.000 đồng thì anh mới biết. Nay chị P yêu cầu trả số tiền 350.000.000 đồng thì anh không đồng ý, việc chị V vay tiền và sử dụng như thế nào anh không biết nên anh không có nghĩa vụ trả tiền.

Tại bản tự khai ngày 09/8/2024, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Thanh T trình bày: Là con của chị P, có biết việc chị V vay tiền của chị P, nhưng không có nhận bất cứ khoản tiền nào từ chị V.

Chị Đặng Thị P khởi kiện chị Trần Thị Tường V, anh Trần Quốc S về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”, do Tòa án tiến hành thu thập chứng

cứ nên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng tham gia phiên tòa.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán là đúng quy định; của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đều đúng quy định, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đúng quy định; của bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án:

+ Xét yêu cầu của chị P đối với chị V về việc trả số tiền 350.000.000 đồng, nhưng chị V chỉ thừa nhận có vay 200.000.000 đồng. Chị P cung cấp là các giấy vay tiền được chị V thừa nhận chữ viết và chữ ký tên. Mặc dù các giấy vay tiền không thể hiện thời hạn trả tiền nhưng các bên có thỏa thuận khi nào chị P cần tiền thì chị V sẽ trả, chị P trình bày đã nhiều lần yêu cầu chị V trả tiền nhưng chị V không thực hiện, được thể hiện từ khi Tòa án thụ lý đơn khởi kiện cho đến nay chị V vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ trả tiền. Do đó, chị P yêu cầu chị V trả nợ là có căn cứ chấp nhận. Việc chị V xin trả dần mỗi tháng từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng, thời gian thực hiện từ tháng 6 năm 2024 nhưng chị P không đồng ý, pháp luật không quy định việc trả dần nên ý kiến của chị V không có căn cứ chấp nhận.

+ Chị V trình bày có trả tiền lãi cho chị P được 40.000.000 đồng, trong đó trả trực tiếp cho chị phượng 20.000.000 đồng, chuyển khoản cho con của chị P 04 lần thành tiền là 20.000.000 đồng. Tại biên bản ghi lời khai ngày 08/4/2024 chị V trình bày sẽ cung cấp bản sao kê chuyển khoản trả tiền lãi nhưng đến nay chị V không cung cấp tài liệu chứng cứ về phần tiền lãi đã trả, trong khi chị P không thừa nhận nên lời trình bày của chị V là không có căn cứ.

+ Về yêu cầu liên đới: Chị V trình bày việc chị vay tiền của chị P thì anh S không biết, chị V vay tiền về cho vay lại. Anh sang cũng không biết việc chị V vay tiền của chị P, khi chị P đến nhà thông báo thì anh S mới biết. Chị P cũng trình bày việc chị V vay tiền, nhận tiền và viết giấy biên nhận do chị V thực hiện, anh S không biết. Mặc dù giữa chị V với anh S sống chung với nhau từ năm 2020 nhưng không có đăng ký kết hôn, không phải là vợ chồng hợp pháp. Do đó, không có căn cứ xác định chị V vay tiền của chị P để phục vụ nhu cầu thiết yếu của cuộc sống chung giữa anh S với chị V. Vì vậy, chị P yêu cầu anh S phải liên đới cùng chị V trả nợ vay là không có căn cứ chấp nhận.

Từ những phân tích trên, căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 92, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; các Điều 357, 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

Tòa án thụ lý giải quyết và xác định quan hệ tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” là đúng thủ tục, thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị Đặng Thị P khởi kiện chị Trần Thị Tường V, anh Trần Quốc S trong quá trình giải quyết vụ án chị V khai có trả tiền lãi suất cho chị Nguyễn Thị Thanh T là con của chị P. Căn cứ vào Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đưa chị Nguyễn Thị Thanh T vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Sau khi có quyết định xét xử, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ hai lần cho chị Trần Thị Tường V, anh Trần Quốc S nhưng chị V, anh S vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; chị Nguyễn Thị Thanh T có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị V, anh S, chị T theo Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung vụ án:*

[2.1] Chị Đặng Thị P khẳng định có cho vợ chồng chị Trần Thị Tường V, anh Trần Quốc S vay tiền số tiền 03 lần, cụ thể:

- Ngày 10/10/2022 vay số tiền 100.000.000 đồng.
- Ngày 21/10/2022 vay số tiền 50.000.000 đồng.
- Ngày 10/02/2023 vay số 200.000.000 đồng.

Tổng cộng là 350.000.000 đồng, thỏa thuận thời hạn trả tiền khi nào chị P lấy lại tiền thì thông báo cho chị V, anh S để chị V, anh S trả tiền. Đến giữa năm 2023 thì chị P có đến nhà yêu cầu chị V trả tiền thì chị V trốn tránh việc trả nợ, được anh S thừa nhận việc chị P có đến nhà yêu cầu chị V trả nợ. Như vậy, hợp đồng vay tiền giữa chị P với chị V là Hợp đồng vay tài sản không kỳ hạn, chị P có thông báo để chị V trả tiền, nhưng đến nay chị V chưa thực hiện. Nay chị P khởi kiện là có căn cứ theo Điều 469 của Bộ luật Dân sự.

Chị Đặng Thị P cung cấp cho Tòa án 01 giấy nhận tiền ngày 10/10/2022 thể hiện chị V có nhận số tiền 100.000.000 đồng và cũng tại giấy nhận tiền này, chị V viết tiếp có nhận số tiền 50.000.000 đồng vào ngày 21/10/2022; 01 giấy mượn tiền ngày 10/02/2023 thể hiện có mượn số tiền 200.000.000 đồng, được chị V xác nhận chữ viết, chữ ký tên là của chị V, nhưng chị V chỉ thừa nhận có vay 200.000.000 đồng, chị P không đồng ý lời trình bày của chị V, chị P khẳng định chị V vay số tiền 350.000.000 đồng, chị V không có tài liệu chứng cứ chứng minh. Như vậy, chị P yêu cầu chị V phải trả số tiền 350.000.000 đồng là có căn cứ theo Điều 466 của Bộ luật Dân sự.

[2.2] Chị V trình bày có trả tiền lãi suất cho chị P số tiền 40.000.000

đồng, bằng hình thức trực tiếp trả cho chị P số tiền 20.000.000 đồng, trả chuyển khoản cho chị Nguyễn Thị Thanh T là con của chị P số tiền 20.000.000 đồng, nhưng chị P, chị T không thừa nhận, chị V không có chứng cứ chứng minh nên lời trình bày của chị V chưa đủ căn cứ chấp nhận.

[2.3] Chị Trần Thị Tường V được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng không đến Tòa án. Theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì chị V có nghĩa vụ đưa ra tài liệu, chứng cứ để chứng minh nhưng chị V không đến Tòa án, không cung cấp được chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ.

[2.4] Chị P yêu cầu anh S là chồng của chị V liên đới cùng với chị V để thực hiện nghĩa vụ trả tiền, nhưng tại bản tự khai ngày 13/3/2024 anh S khẳng định không biết việc vay tiền giữa chị P với chị V, anh S không có ký tên vào các giấy vay tiền, khi chị P đến nhà yêu cầu chị V trả tiền thì anh S mới biết. Mặt khác, giữa chị V với anh S có tổ chức lễ cưới, sống chung với nhau như vợ chồng nhưng chưa đăng ký kết hôn. Do đó, việc chị V vay tiền của chị P không nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình và cũng không được anh S ủy quyền, nên anh S không chịu trách nhiệm liên đới khi chị V giao dịch vay tiền với chị P. Đồng thời, chị P cũng thừa nhận việc chị V vay tiền thì anh S không biết, nhưng do chị V nói vay tiền về đưa cho anh S để làm thủ tục đáo nợ Ngân hàng nên chị P mới tin tưởng cho vay, việc này anh S không thừa nhận. Như vậy, chị P yêu cầu anh S chịu trách nhiệm liên đới với chị V trả số tiền vay cho chị P là chưa đủ căn cứ theo Điều 27 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.4] Như vậy, chị P yêu cầu chị V, anh S liên đới trả số tiền vay 350.000.000 đồng là chưa đủ căn cứ chấp nhận. Chỉ có căn cứ chấp nhận chị V phải có nghĩa vụ trả số tiền theo yêu cầu của chị P, chưa đủ căn cứ anh S phải có nghĩa vụ liên đới với chị V để trả nợ cho chị P.

[2.5] Chị P yêu cầu chị V phải trả lãi trong giai đoạn thi hành án, được tính lãi kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, mức lãi suất là 10% năm là có căn cứ được quy định tại Điều 357, theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự và theo Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

[3] Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị P đối với chị V là có căn cứ. Không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị P đối với anh S thực hiện nghĩa vụ liên đới trả nợ. Quan điểm của Kiểm sát viên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Yêu cầu của chị P đối với số tiền được Tòa án chấp nhận nên chị V phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, mức án phí là 5% đối với số tiền phải trả cho chị P.

Anh S, chị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Chị P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho chị P.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 68, 147, 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Các Điều 288, 463, 466, 468, 469 và Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điều 27 của Luật hôn nhân và gia đình.

Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị P đối với chị Trần Thị Tường V, anh Trần Quốc S về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

Chị Trần Thị Tường V phải có nghĩa vụ trả cho chị Đặng Thị P tổng số tiền là 350.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 02 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí:

Chị Trần Thị Tường V phải chịu 17.500.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Đặng Thị P không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho chị P 8.750.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0002501 ngày 04/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An.

3. Về quyền kháng cáo

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh/Huyện;
- Chi cục THA DS;
- Các đ/s;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Hựu